TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 82/2026/QĐST-HNGĐ	*Lào Cai, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 106/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1982

Căn cước số 011182044184, do Bộ C2 cấp ngày 21/8/2025.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982

Căn cước công dân số 015082006367, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C2 cấp ngày 19/4/2022.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố P, phường Â, tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị B và anh NguyễnVăn C1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nuôi con:

+ Giao cho chị Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2015 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

+ Giao cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2010, cháu Nguyễn Văn G, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2012 cho đến khi cháu T, cháu G đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị Trần Thị B, anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu ký hiệu: BLTU/26E, số 0000909 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Trần Thị B được trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Văn C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hoàng Hải

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh Lào Cai;
- UBND phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai (GCNKH số 10/2009, ngày 26/5/2009 của UBND xã Phúc Lộc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái cũ);
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, KT.